

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/LĐ-PT

Ngày 21-12-2022

V/v Tranh chấp về trường hợp bị
đơn phương chấm dứt hợp đồng lao
động và tranh chấp tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Lực.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Đắc Cường;
bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 26/2022/TLPT-LĐ ngày 24/11/2022 về việc “*tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 07/2022/LĐ-ST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2022/QĐ-PT ngày 28/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà L, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Tạm trú: số B, đường Y, khu C, tổ T, khu phố Y, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà T, sinh năm 1979; địa chỉ: Công ty Luật TNHH A, số B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2021). Bà T có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần K; địa chỉ: thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông H, sinh năm 1973; địa chỉ: số M, đường Y, phường U, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 06/UQ ngày 09/6/2022). Ông H có mặt.

- *Người kháng cáo: bị đơn Công ty Cổ phần K.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện của bà L và quá trình giải quyết vụ án, bà T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà L vào làm việc tại Công ty Cổ phần K (gọi tắt là Công ty) từ ngày 04/10/2020 theo Hợp đồng lao động (HĐLĐ) số 312/HĐLĐ/2020, thời hạn 12 tháng, từ ngày 01/12/2020 đến ngày 30/11/2021, công việc là nhân viên bán hàng, địa điểm làm việc tại nhà phân phối (NPP) Ngọc Hồng Phát tại tỉnh Bình Dương, thời gian làm việc là 08 giờ/01 ngày từ thứ hai đến thứ bảy, theo giờ hành chính. Mức lương: 5.395.000 đồng, bao gồm: lương chính: 3.850.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp ăn trưa: 650.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp xăng xe: 895.000 đồng/tháng (26 ngày công), hình thức trả lương qua tài khoản cá nhân của người lao động. Công việc của bà L chịu sự giám sát của ông C.

Đến ngày 31/3/2021, bà L nhận được tin nhắn zalo từ ông C thông báo từ ngày 01/4/2021 khu vực Bình Dương ngừng hoạt động và cho toàn bộ nhân viên tại đây nghỉ việc. Ngày 01/4/2021, ông C tiếp tục thông báo Công ty cho nhân viên khu vực Bình Dương nghỉ việc, nhưng do không thấy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty nên nhân viên của Team Bình Dương vẫn hoạt động bình thường. Đến ngày 11/4/2021, khi đang làm việc thì bà L được thông báo Công ty tự ý cắt email làm việc của giám sát, nên nhân viên khu vực Bình Dương không có thông tin để giao dịch với khách hàng.

Ngày 16/6/2021, bà L gửi đơn khiếu nại đến Công ty. Đến cuối tháng 12/2021, bà L nhận được Quyết định số 85/QĐ-CDHĐ ngày 30/3/2021 của Công ty về việc chấm dứt hợp đồng lao động với lý do tự ý bỏ việc và thời gian chấm dứt từ ngày 01/4/2021. Nhận thấy Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên bà L khởi kiện yêu cầu Công ty thanh toán các khoản tiền như sau:

1. Thanh toán toàn bộ tiền lương kể từ ngày 01/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/11/2021 tạm tính là 48.555.000 đồng.

2. Buộc Công ty phải trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật, tạm tính là 09 tháng x 4.420.000 đồng/tháng (mức lương tối thiểu vùng) x 21,5% = 8.552.700 đồng; yêu cầu Công ty chốt sổ và trả sổ Bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

3. Tiền lãi do Công ty chậm thanh toán lương cho bà L từ các tháng nêu trên đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính 48.555.000 đồng x 8%/năm x 09 tháng = 2.913.300 đồng.

4. Bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn là 02 tháng tiền lương theo hợp đồng, tạm tính 5.395.000 đồng x 2 = 10.790.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty phải thanh toán cho bà L là 70.811.000 đồng.

** Bị đơn Công ty Cổ phần K trình bày:*

Công ty thống nhất với ý kiến nguyên đơn về thời gian ký kết hợp đồng lao động, mức lương, công việc và nơi làm việc của bà L tại Công ty. Công ty xác định từ ngày 11/4/2021, bà L không còn làm việc tại Công ty, lý do là bà L tự ý bỏ việc từ tháng 4/2021 sau khi Công ty đã có thông báo điều chuyển bà L từ vị trí nhân viên bán hàng kênh GT sang làm nhân viên bán hàng kênh đặc biệt và chịu sự giám sát của giám sát mới là ông Nguyễn Ngọc Tuấn Vũ, nhưng ông Vũ nhiều lần liên hệ bà L nhưng không nhận được sự phản hồi từ bà L và bà L cũng không tiếp nhận công việc mới. Do vậy, Công ty đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà L sau 05 ngày kể từ ngày thông báo, lý do tự ý bỏ việc.

Về tiền lương, Công ty đã thanh toán cho bà L đến hết tháng 02/2021. Từ 01/3/2021 đến ngày 01/4/2021, Công ty chưa giải quyết lương cho bà L là do bà chưa hoàn thành việc bàn giao công việc cho Công ty.

Về sổ bảo hiểm xã hội của bà L thì Công ty đã hoàn tất, chốt sổ và bàn giao cho bà L.

Quá trình hoà giải, đại diện Công ty xác định việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà L theo hình thức xử lý kỷ luật sa thải do bà L tự ý nghỉ việc quá 05 ngày. Công ty xác định việc xử lý kỷ luật bà L là đúng quy định pháp luật. Do đó, trước các yêu cầu khởi kiện của bà L, Công ty không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định bà L đã nhận được Sổ bảo hiểm xã hội do Công ty gửi đến bằng đường bưu điện vào cuối tháng 12/2021 nên nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc buộc Công ty phải thực hiện ngay việc chốt sổ và trả sổ Bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản:

1. Thanh toán toàn bộ tiền lương kể từ ngày 01/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/11/2022: 48.555.000 đồng.

2. Buộc Công ty phải trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật, tạm tính là 09 tháng x 4.420.000 đồng/tháng (mức lương tối thiểu vùng) x 21,5% = 8.552.700 đồng.

3. Tiền lãi do Công ty chậm thanh toán lương cho bà L từ các tháng nêu trên đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính 48.555.000đồng x 8%/năm x 09 tháng = 2.913.300 đồng.

4. Bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn là 02 tháng tiền lương theo hợp đồng, tạm tính 5.395.000 đồng x 2 = 10.790.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty phải thanh toán cho bà L: 70.811.000 đồng.

Bà L không yêu cầu Công ty nhận trở lại làm việc.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 07/2022/LĐ-ST ngày 21/6/2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 03/2022/QĐ-SCBSBA ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần K chốt sổ và trả sổ BHXH.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L đối với bị đơn Công ty Cổ phần K về việc Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Tuyên bố Quyết định số 85/QĐ-CDHĐ ngày 30/3/2021 của Công ty Cổ phần K về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà L là trái pháp luật.

- Buộc Công ty Cổ phần K phải thanh toán cho bà L các khoản gồm:

+ Tiền lương tháng 03/2021 là 5.395.000 đồng.

+ Tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 01/4/2021 đến ngày 30/11/2021 và 02 tháng tiền lương là 38.500.000 đồng.

+ Tiền lãi cho bà L do chậm thanh toán tiền lương tháng 03/2021 là 536.000 đồng.

Tổng cộng số tiền 44.431.000 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần K phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và trích từ tiền lương của bà L được bồi thường nêu trên đối với phần bà L phải đóng để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà L theo quy định của pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến ngày 30/11/2021 theo mức lương 3.850.000 đồng/tháng tại Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa. Việc đóng bảo hiểm xã hội Công ty phải thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Cổ phần K thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm; phải trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và khoản tiền lãi do công ty chậm thanh toán lương cho nguyên đơn trong những ngày không được làm việc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 04/7/2022, bị đơn Công ty có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Bị đơn ban hành Quyết định số 85 ngày 30/3/2021 về việc chấm dứt HĐLĐ với nguyên đơn từ ngày 01/4/2021, lý do: nguyên đơn tự ý bỏ việc. Ngoài ra, bị đơn còn cung cấp thêm 01 Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn cùng số, cùng nội dung nhưng khác ngày (số 85 ngày 15/4/2021).

Xét thấy, bị đơn đưa ra lý do chấm dứt HĐLĐ nêu trên là không đúng với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của bị đơn trái pháp luật; buộc bị đơn phải thanh toán tiền lương tháng 3/2021, tiền lương những ngày nguyên đơn không được làm việc tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày 30/11/2021, cộng với 02 tháng tiền lương, tiền lãi trên số tiền lương tháng 3/2021 và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là đúng quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2022/LĐ-ST ngày 21/6/2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2022/QĐ-SCBSBA ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “*Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương*”, nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương là nơi thực hiện hợp đồng lao động và nơi nguyên đơn đang cư trú nên Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[1.3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Khoản 2 Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “... *những phần bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị*”. Do đó, phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc “*Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần K chốt sổ và trả sổ bảo hiểm xã hội*” và “*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Cổ phần K thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm; phải trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và khoản tiền lãi do công ty chậm thanh toán lương cho nguyên đơn trong những ngày không được làm việc*” không bị các bên kháng cáo, không bị Viện Kiểm sát kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ lao động: Xét tài liệu, chứng cứ và lời thừa nhận của các bên đương sự có cơ sở xác định bà L và Công ty có quan hệ hợp đồng lao động theo HĐLĐ số 312/HĐLĐ/2020, thời hạn 12 tháng: từ 01/12/2020 đến 30/11/2021, công việc là nhân viên bán hàng tại địa điểm làm việc là NPP Ngọc Hồng Phát tại tỉnh Bình Dương; mức lương: 5.395.000 đồng (bao gồm lương chính 3.850.000 đồng/ tháng (26 ngày công), phụ cấp ăn trưa: 650.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp xăng xe: 895.000 đồng/tháng (26 ngày công). Kể từ ngày 11/4/2021, nguyên đơn không còn làm việc cho Công ty.

[2.2] Về việc chấm dứt hợp đồng lao động:

Bị đơn đã ban hành 02 quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn: 1. Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 85/QĐ-CDHĐ ngày 30/3/2021 và gửi cho nguyên đơn vào ngày 16/12/2021; và 2. Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 85/QĐ-CDHĐ ngày 15/4/2021 giao nộp cho Tòa án trong quá trình tham gia tố tụng. Cả hai quyết định này đều có hình thức và nội dung giống nhau, chỉ khác nhau ngày ban hành (bị đơn giải thích là do nhầm lẫn trong quá trình soạn thảo văn bản). Quyết định số 85/QĐ-CDHĐ nêu lý do chấm dứt hợp đồng lao động: Tự ý bỏ việc; thời gian chấm dứt hợp đồng lao động: Từ ngày 01/4/2021. Đại diện bị đơn cũng thừa nhận chưa thanh toán hết lương tháng 3 năm 2021 cho nguyên đơn và từ ngày 01/4/2021 cũng không thanh toán tiền lương vì lý do nguyên đơn đã bỏ việc.

Xét thấy, Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 85/QĐ-CDHĐ ngày 15/4/2021 đối với bà L với lý do “tự ý bỏ việc”, thời gian chấm dứt từ ngày 01/4/2021 là không có căn cứ vì Công ty không có chứng cứ chứng minh người lao động tự ý bỏ việc; trường hợp người lao động có tự ý bỏ việc thì cũng không lập biên bản về việc tự ý bỏ việc và xử lý kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật. Đến ngày 16/12/2021 Công ty mới gửi quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và chốt sổ bảo hiểm xã hội, trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty đã đơn phương chấm dứt

hợp đồng lao động với bà L trái pháp luật và buộc Công ty phải bồi thường là có căn cứ.

[2.3] Xét các yêu cầu bồi thường của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật, trong đó bao gồm:

- Tiền lương thời gian không được làm việc từ 01/4/2021 đến ngày 30/11/2021 (ngày kết thúc hợp đồng) là 08 tháng x 3.850.000 đồng (căn cứ mức lương nguyên đơn yêu cầu áp dụng) = 30.800.000 đồng;

- 02 tháng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động: 02 x 3.850.000 đồng = 7.700.000 đồng.

- Tiền lương chưa thanh toán của tháng 3/2021 là 5.395.000 đồng và tiền lãi tiền lương chậm thanh toán 8%/năm (theo yêu cầu của nguyên đơn) đến ngày xét xử sơ thẩm = 5.395.000đồng x 0,67%/tháng x 14 tháng 20 ngày = 536.000 đồng;

Cộng các khoản: 44.431.000 đồng.

[2.4] Về trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội: Theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 và các Điều 18, 19, 21 và 22 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, bị đơn có trách nhiệm đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn trong những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 01/4/2021 đến ngày kết thúc hợp đồng lao động 30/11/2021 với mức lương 3.850.000 đồng/tháng. Bị đơn được quyền trích từ khoản tiền bồi thường cho nguyên đơn để thực hiện nghĩa vụ của người lao động. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với các quy định đã được viện dẫn nêu trên. Bị đơn kháng cáo là không có căn cứ.

[3] Từ các phân tích nêu trên xét thấy, bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ, g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 282, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 29, 36, 39, 41, 90 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; các Điều 18, 19, 21 và 22 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần K. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 07/2022/LĐ-ST ngày 21/6/2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 03/2022/QĐ-SCBSBA ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L đối với bị đơn Công ty Cổ phần K về việc tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

1.1. Tuyên bố Quyết định số 85/QĐ-CDHĐ ngày 30/3/2021 và ngày 15/4/2021 của Công ty Cổ phần K về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà L là trái pháp luật.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần K phải thanh toán cho bà L các khoản gồm:

+ Tiền lương tháng 03/2021: 5.395.000 đồng.

+ Tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 01/4/2021 đến ngày 30/11/2021 và 02 tháng tiền lương: 38.500.000 đồng.

+ Tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương tháng 03/2021: 536.000 đồng.

Tổng cộng số tiền: 44.431.000 đồng.

1.3. Buộc Công ty Cổ phần K phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và trích từ tiền lương của bà L được bồi thường nêu trên đối với phần bà L phải đóng để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà L theo quy định của pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến ngày 30/11/2021 theo mức lương 3.850.000 đồng/tháng tại Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Riêng đối với tiền lương chậm trả và tiền lãi, thì tiền lãi của số tiền trả chậm tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do ngân hàng nơi người sử dụng lao động mở tài khoản trả lương cho người lao động công bố tại thời điểm trả lương.

2. Phần quyết định của bản án sơ thẩm: “*Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần K chốt sổ và trả số bảo hiểm xã hội*” và “*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Cổ phần K thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm; phải trả tiền bảo hiểm xã*

hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và khoản tiền lãi do công ty chậm thanh toán lương cho nguyên đơn trong những ngày không được làm việc” có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Bà L được miễn án phí.
- Công ty Cổ phần K phải chịu 1.333.000 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần K phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001624 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LĐ, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Công Lực